

1 / 22 ~ 1 / 24 日 2025 台灣 PGA 巡迴賽 年度資格排名賽 參賽名單

2025 Taiwan PGA Tour Qualifying School

PLAYER ENTRY LIST

2024.12.02

No.	中文姓名	Name	國籍 / Country	No.	中文姓名	姓名 / Name	國籍 / Country
1	王于誠		TWN	36	陳奕騫		TWN
2	王力偉		TWN	37	陳逸祐		TWN
3	王人立		TWN	38	陳祐翔		TWN
4	王中欣		TWN	39	陳暉泓		TWN
5	王羽詮		TWN	40	陳乃嘉		TWN
6	方胤人		TWN	41	陳守成		TWN
7	方傳崑		TWN	42	陳 樺		TWN
8	江以安		TWN	43	陳勁豪		TWN
9	邱瀚霆		TWN	44	陳彥宇		TWN
10	邱昱嘉		TWN	45	陳兆豐		TWN
11	李尚融		TWN	46	陳宥蓁		TWN
12	李威霖		TWN	47	翁永田		TWN
13	李政遠		TWN	48	郭時雨		TWN
14	李謹州		TWN	49	許智凱		TWN
15	李 瞳		TWN	50	許閎軒		TWN
16	李士鴻		TWN	51	許維宸		TWN
17	李睿紳		TWN	52	張庭碩		TWN
18	巫耀微		TWN	53	張宇誠		TWN
19	吳汶軒	Wen-xuan Wu	CHN	54	崔楚汶		TWN
20	何昊青		TWN	55	黃柏叡		TWN
21	林耕緯		TWN	56	黃冠勳		TWN
22	林明業		TWN	57	黃至翊		TWN
23	林遠惟		TWN	58	游家瑋		TWN
24	林楷傑		TWN	59	程之廷		TWN
25	林煒傑		TWN	60	溫楨祥		TWN
26	洪駿剛		TWN	61	溫 新		TWN
27	洪瑞誠		TWN	62	楊 傑		TWN
28	施俊宇		TWN	63	楊 豪		TWN
29	陳佑宇		TWN	64	楊孝哲		TWN
30	陳漳濤		TWN	65	楊斐皓		TWN
31	陳靈宇		TWN	66	楊大衛		TWN
32	陳孝虎		TWN	67	詹佳翰		TWN
33	陳科壹		TWN	68	鄭存宸		TWN
34	陳柏睿		TWN	69	鄧宇皓		TWN
35	陳威勝		TWN	70	蔡睿恒		TWN

1 / 22 ~ 1 / 24 日 2025 台灣 PGA 巡迴賽 年度資格排名賽 參賽名單
2025 Taiwan PGA Tour Qualifying School

PLAYER ENTRY LIST

2024.12.02

No.	中文姓名	Name	國籍 / Country	No.	中文姓名	姓名 / Name	國籍 / Country
71	蔡勁暘		TWN	106			
72	蔡瑞杰		TWN	107			
73	蔡顥至		TWN	108			
74	劉澤森		TWN	109			
75	賴嘉一		TWN	110			
76	謝霆葳		TWN	111			
77	謝旻軒		TWN	112			
78	謝東宏		TWN	113			
79	羅政元		TWN	114			
80	羅鼎弘		TWN	115			
81	蘇彥璋		TWN	116			
82	沃拉松·蘇萬帕南	Worrasorn Suwanpanang	THA	117			
83	遠藤 健太	Kenta Endo	JPN	118			
84	櫻井 建都	Kento Sakurai	JPN	119			
85	澤崎 安雄	Yasuo Sawasaki	JPN	120			
86	陳偉邦	Bond Chan	AUS	候補 1			
87	藤山 大耀	Daiyo Fujiyama	JPN	候補 2			
88	鈴木 之人	Yukito Suzuki	JPN	候補 3			
89	尼蒂波爾·圖安通	Nithipol Tuangthong	THA	候補 4			
90	梶村 夕貴	Yuki Kajimura	JPN	候補 5			
91	鶴見 大樹	DAIKI TSURUMI	JPN	候補 6			
92	橫川 康祐	Kosuke Yokokawa	JPN	候補 7			
93	織田 信亮	Nobuaki Oda	JPN	候補 8			
94	古屋 諒人	Ryoto Furuya	JPN	候補 9			
95	奧松 良太	Ryota Okumatsu	JPN	候補 10			
96	森井 晶紀	Akinori Morii	JPN	候補 11			
97		Taiki Mishima	JPN	候補 12			
98	高橋 慶祐	Keisuke Takahashi	JPN	候補 13			
99	渡邊 龍之介	Watanabe Ryunosuke	JPN	候補 14			
100	福原 翔太	Shota Fukuhara	JPN	候補 15			
101				候補 16			
102				候補 17			
103				候補 18			
104				候補 19			
105				候補 20			